

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/KDTM-PT

Ngày: 20.5.2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Sơn

Các Thẩm phán:

Bà Mai Vương Thảo

Ông Trương Chí Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Ngọc Hoài Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLPT-KDTM ngày 20.12.2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/KDTM-ST ngày 08.11.2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2020/QĐPT-KDTM ngày 30.01.2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 02/2020/QĐ-PT ngày 28.02.2020; Thông báo hoãn phiên tòa số: 36/TB-TA ngày 12.3.2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 73/TB-TA ngày 20.4.2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ. Địa chỉ: Số 232/8 đường Quốc Lộ 13, phường 26, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Công S, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Số 87 đường P, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, (theo giấy ủy quyền ngày 16.11.2019), (có mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV T. Địa chỉ: Số 659 đường Trần Cao Vân, tổ 28, phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện

theo pháp luật: Ông Trần Huy Đ, chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: K43/79 đường Cù Chính Lan, tổ 11, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Dịch vụ chuyển phát nhanh Phương T. Địa chỉ: Số 335 - 337 đường Lê Hồng P, phường 2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ chi nhánh: Số 37 đường Nam T, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14.12.2018, tại phiên tòa ngày 06.6.2019, ngày 05.7.2019, ngày 06.11.2019 và tại phiên tòa ngày 08.11.2019 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều T trình bày:*

Ngày 08.01.2017, Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ (gọi tắt là Công ty Đ) và Công ty TNHH MTV T (gọi tắt là Công ty T) có ký kết Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán sản phẩm thiết bị điện và Hợp đồng mua bán hàng hóa số 002017/HOANGNGOC-THINHVANLOC ngày 18.02.2017, với nội dung Công ty Đ đồng ý cung cấp cho Công ty T các vật tư, thiết bị điện, nước (có danh mục kèm theo hợp đồng) với tổng số tiền giá trị hàng hóa là 1.041.504.497 đồng. Công ty Đ xác nhận việc hai bên ký kết 02 hợp đồng nói trên nhằm mục đích để quyết toán thuế cho Công ty Đ. Do tin tưởng lẫn nhau nên hai bên tiến hành giao dịch mua bán hàng hóa thông qua đơn đặt hàng được gửi qua email của Công ty và thông qua điện thoại.

Thực hiện các lượt đơn đặt hàng của Công ty T, từ ngày 09.02.2017 đến ngày 31.8.2018 Công ty Đ đã nhiều lần tiến hành chuyển giao các mặt hàng theo đúng khối lượng, chất lượng và thời gian yêu cầu của Công ty T. Tổng giá trị số hàng hóa, thiết bị Công ty Đ đã bán cho Công ty T là 2.995.213.019 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty Đ. Tính đến ngày 22.6.2018, Công ty T chỉ mới thanh toán được cho Công ty Đ số tiền 2.337.790.232 đồng và còn nợ lại số tiền là 657.422.787 đồng. Mặc dù Công ty Đ đã nhiều lần nhắc nợ, yêu cầu Công ty Thịnh Vạn Lộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty T vẫn không chịu hợp tác để thanh toán số nợ còn lại.

Nay Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Điện Hoàng Ngọc số tiền còn nợ là 657.422.787 đồng (sáu trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi bảy đồng).

** Tại đơn trình bày đề ngày 18.4.2019, tại phiên tòa ngày 06.6.2019, ngày 05.7.2019, ngày 06.11.2019 và tại phiên tòa ngày 08.11.2019 người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Trần Huy Đ trình bày:*

Công ty T và Công ty Đ có quan hệ mua bán sản phẩm thiết bị điện. Hai bên tiến hành giao dịch mua bán hàng hóa thông qua email, các đơn đặt hàng. Trên cơ sở đơn đặt hàng của Công ty T, ông gửi email cho Công ty Đ, Công ty Đ báo giá qua cho ông và ông xác nhận đồng ý đặt hàng cho đơn hàng đó. Công ty Đ sẽ chuyển hàng cho Công ty T, ông sẽ tiến hành kiểm tra hàng và ký nhận hàng.

Đối với Hợp đồng nguyên tắc ngày 08.01.2017 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số 002017/HOANGNGOC-THINHVANLOC ngày 18.02.2017 về việc mua bán sản phẩm thiết bị điện thì ông ký hợp đồng này vào khoảng cuối tháng 12.2017. Hợp đồng mua bán và Hợp đồng nguyên tắc không được lập tại thời điểm chuẩn bị mua hàng mà được lập sau khi hoàn thành công trình. Việc ký hai hợp đồng trên nhằm mục đích để Công ty Đ hợp thức hóa việc vay mượn tiền Ngân hàng và quyết toán thuế.

Quá trình mua bán, Công ty T đã chuyển thanh toán cho Công ty Đ số tiền khoảng 2.200.000.000 đồng. Công ty Thịnh Vạn Lộc đã thanh toán xong công nợ đối với Công ty Đ.

Nay Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền nợ là 657.422.787 đồng thì Công ty T không đồng ý, vì giữa hai Công ty không có sự đối chiếu và xác nhận số công nợ trên; các hóa đơn bán hàng do Công ty Đ tự xuất và Công ty T không ký vào hóa đơn. Công ty T đề nghị Công ty Đ phải cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh cho việc Công ty ông đã nợ khoản nợ nêu trên phù hợp với hóa đơn, chứng từ, biên bản giao nhận hàng hóa giữa hai bên, đơn yêu cầu đặt hàng, xác nhận đơn đặt hàng.

** Tại văn bản số 07/CV-FUTA Express ngày 10.7.2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Dịch vụ chuyển phát nhanh Phương T trình bày:*

Theo thông báo nội bộ của Công ty Cổ phần Dịch vụ chuyển phát nhanh Phương T thì những biên nhận phát hàng cho khách từ ngày 01.01.2016 đến ngày 31.10.2017 Công ty đã xếp kho lưu trữ, niêm yết chờ ngày thanh lý, nên Công ty không thể cung cấp được (vì lưu lượng kho rất lớn không thể lục tìm được). Những biên nhận từ ngày 01.11.2017 đến ngày 31.12.2018, Công ty sẽ cung cấp cho Tòa án.

** Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/KDTM-ST ngày 08.11.2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:*

Căn cứ: Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50 Luật thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" đối với bị đơn là Công ty TNHH MTV T.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH MTV T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ số tiền là 47.309.048 đồng (bốn mươi bảy triệu, ba trăm lẻ chín nghìn, không trăm bốn mươi tám đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công Ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ về việc yêu cầu bị đơn là Công ty TNHH MTV T phải thanh toán số tiền là 610.113.739 đồng (sáu trăm mười triệu, một trăm mười ba nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng).

3. Về án phí:

+ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), Công ty TNHH MTV T phải chịu.

+ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 28.404.549 đồng (hai mươi tám triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm bốn mươi chín đồng), Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ phải chịu. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 15.149.000 đồng mà Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ đã nộp tại biên lai thu số 0004481 ngày 17.01.2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê. Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ còn phải nộp tiếp số tiền là 13.255.549 đồng (mười ba triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi chín đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, trong hạn luật định nguyên đơn Công ty Đ kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/KDTM-ST ngày 08.11.2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, cho rằng quyết định cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ là chưa khách quan, không đúng với quy định của pháp luật, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc Công ty TNHH MTV T phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ toàn bộ số tiền còn nợ là 657.422.787 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần Dịch vụ chuyển phát nhanh Phương T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn

cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần Dịch vụ chuyển phát nhanh Phương T.

[2] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ, thì thấy:

[2.1] Giữa Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ (*gọi tắt là Công ty Đ*) và Công ty TNHH MTV T (*gọi tắt là Công ty T*) có quan hệ mua bán hàng hóa là các sản phẩm thiết bị điện. Hình thức giao dịch mua bán chủ yếu thông qua email, đôi khi cần hàng gấp thì Công ty T điện thoại. Trên cơ sở đối tác lâu năm và tin tưởng lẫn nhau, nên sau khi xác nhận email và điện thoại thì Công ty Đ chuyển hàng theo yêu cầu của Công ty T, còn Hợp đồng nguyên tắc ngày 08.01.2017 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số 002017/HOANGNGOC-THINHVANLOC ngày 18.02.2017 giữa 02 Công ty ký kết nhằm mục đích quyết toán thuế cho Công ty Đ và không ràng buộc trách nhiệm pháp lý đối với các bên.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ xác định giữa hai bên đã giao dịch mua bán hàng hóa là sản phẩm thiết bị điện với nhau từ năm 2016, nhưng đến tháng 8.2018 mới phát sinh tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán cho những đơn hàng từ ngày 09.02.2017 đến ngày 31.8.2018. Tổng giá trị số hàng hóa, thiết bị điện mà Công ty Đ đã bán cho Công ty T trong thời gian trên là 2.995.213.019 đồng và đã xuất 99 hóa đơn giá trị gia tăng, Công ty T cũng đã chuyển khoản thanh toán đến ngày 22.6.2018 cho Công ty Đ được tổng số tiền 2.337.790.232 đồng.

Tại phiên tòa, Công ty Đ xác định Công ty T còn nợ số tiền 657.422.787 đồng chưa trả, do vậy Công ty Đ yêu cầu Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Đ số tiền hàng còn nợ là 657.422.787 đồng.

Còn đại diện của Công ty T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ đối với số tiền hàng còn nợ là 657.422.787 đồng. Vì giữa hai Công ty không có sự đối chiếu và xác nhận số công nợ trên, các hóa đơn bán hàng do Công ty Đ tự xuất và Công ty T không ký vào hóa đơn, đề nghị Công ty Đ phải cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh cho việc Công ty T đã nợ khoản nợ nêu trên phù hợp với hóa đơn, chứng từ, biên bản giao nhận hàng hóa giữa hai bên, đơn yêu cầu đặt hàng, xác nhận đơn đặt hàng.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 08.11.2019 trong số 99 hóa đơn do Công ty Đ cung cấp thì đại diện của Công ty T xác nhận có 35 hóa đơn do Công ty T đã mua hàng của Công ty Đ với tổng số tiền là 1.275.886.000 đồng, nhưng thực tế Công ty T đã trả đến ngày 22.6.2018 cho Công ty Đ được số tiền 2.337.790.232 đồng, nên thừa so với số tiền của 35 hóa đơn là 1.061.904.232 đồng. Công ty T không chứng minh được số tiền thừa 1.061.904.232 đồng là trả tiền hàng cho những hóa đơn nào và cũng không có yêu cầu Công ty Đ phải hoàn trả lại số tiền

thừa nói trên. Mặt khác, 99 hóa đơn do Công ty Đ xuất đều thể hiện mã số thuế và địa chỉ của đơn vị mua Công ty T mua bán mặt hàng là các sản phẩm thiết bị điện, là phù hợp với báo cáo về tình hình kê khai hóa đơn đầu ra tại Chi cục thuế nơi Công ty Đ có đăng ký thuế.

Xem xét 64 hóa đơn không được đại diện của Công ty T thừa nhận thì thể hiện trước khi giao dịch và trước khi Công ty Đ giao hàng - xuất hóa đơn thì giữa Công ty T và Công ty Đ đều có thông tin qua địa chỉ email để đặt hàng, do đó lời khai của đại diện của Công ty T từ chối 64 hóa đơn là không có cơ sở. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo pháp luật của Công ty T xác nhận là có nhận bản đối chiếu công nợ do Công ty Đ gửi. Nếu đại diện của Công ty T cho rằng Công ty T không nợ tiền theo 64 hóa đơn thì trong tin nhắn phản hồi cho Công ty Đ, Công ty T phải yêu cầu Công ty Đ xác định đối chiếu lại số tiền nợ nhưng tin nhắn của đại diện của Công ty T gửi cho Công ty Đ không hề có việc yêu cầu đối chiếu lại công nợ hoặc từ chối thanh toán mà ông Đức đại diện của Công ty T hẹn trả nợ sau khi bán nhà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của Công ty T khai 64 hóa đơn do Công ty Đ cung cấp là đúng nhưng Công ty T không nhận được hàng do Công ty Đ chuyển theo từng hóa đơn, Hội đồng xét xử thấy đây không phải là nội dung tranh chấp, do đó Hội đồng xét xử không đề cập. Tuy nhiên, trong trường hợp Công ty T không nhận hàng theo hóa đơn thì Công ty T có quyền ngừng giao dịch hoặc yêu cầu Công ty Đ giao hàng theo đúng hóa đơn đã xuất nhưng thực tế giao dịch mua bán giữa Công ty Đ với Công ty T không có thời gian gián đoạn. Như vậy, có căn cứ để xác định giữa Công ty Đ và Công ty T có mua bán hàng hóa là các sản phẩm thiết bị điện từ ngày 09.02.2017 đến ngày 31.8.2018 với tổng số tiền là 2.995.213.019 đồng theo 99 hóa đơn do Công ty Đ đã xuất cho Công ty T. Công ty T đã chuyển khoản trả cho Công ty Đ được số tiền 2.337.790.232 đồng, hiện còn nợ số tiền 657.422.787 đồng. Vì vậy, Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Công ty T phải số tiền hàng còn nợ 657.422.787 đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty Đ, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/KDTM-ST ngày 08.11.2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng và buộc Công ty T phải trả cho Công ty Đ số tiền hàng còn nợ 657.422.787 đồng theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại:

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ nên Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 30.296.911 đồng (ba mươi triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm mười một đồng).

+ Công ty Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.149.000 đồng (mười lăm triệu, một

trăm bốn mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004481 ngày 17.01.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên Công ty Đ không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 2 Điều 308, các Điều 147, 148, 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Công Ty TNHH thương mại Kỹ thuật Đ;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/KDTM-ST ngày 08.11.2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" của Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ đối với Công ty TNHH MTV T.

2. Buộc Công ty TNHH MTV T phải trả cho Công Ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ số tiền là 657.422.787 đồng (sáu trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 30.296.911 đồng (ba mươi triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm mười một đồng), Công ty TNHH MTV T phải chịu.

+ Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 15.149.000 đồng (mười lăm triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0004481 ngày 17.01.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đ 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0005242 ngày 25.11.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Sơn